

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo  
trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg, ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo Đại học,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, ĐTDH.



## QUY ĐỊNH

### Phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang

(Kèm theo Quyết định số 1008/QĐ-ĐHNT ngày 07 tháng 9 năm 2018  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

## Chương 1

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định tổ chức xây dựng, thẩm định, đánh giá, cập nhật và quản lý chương trình đào tạo trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang.
2. Quy định này áp dụng đối với các chương trình đào tạo ở trình độ đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Chương trình đào tạo bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra đối với mỗi ngành và mỗi học phần; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành học và mỗi học phần.
2. Ngành đào tạo là một tập hợp những kiến thức và kỹ năng chuyên môn của một lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp, khoa học nhất định. Ngành đào tạo bao gồm nhiều chuyên ngành đào tạo.
3. Chuyên ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn chuyên sâu của một ngành đào tạo.
4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo là yêu cầu tối thiểu về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân mà người học phải đạt được sau khi hoàn thành chương trình đào tạo.
5. Các định hướng của chương trình đào tạo gồm định hướng ứng dụng và định hướng thực hành, cụ thể:
  - a) Chương trình đào tạo định hướng ứng dụng là chương trình có mục tiêu và nội dung theo hướng phát triển kết quả nghiên cứu cơ bản, ứng dụng các công nghệ nguồn thành các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, thiết kế các công cụ hoàn chỉnh phục vụ nhu cầu đa dạng của con người.
  - b) Chương trình đào tạo theo hướng thực hành là chương trình có mục tiêu và nội dung xây dựng theo hướng tập trung vào việc thực hiện các giải pháp công nghệ, quy trình quản lý, sản xuất, chế tạo các công cụ phục vụ sản xuất và đời sống dựa trên cơ sở những thiết kế có sẵn.

#### Điều 3. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ đại học

1. Chương trình đào tạo trình độ đại học gắn với một ngành, chuyên ngành (kiểu đơn ngành), hoặc với một vài ngành (kiểu ngành chính - ngành phụ, kiểu song ngành,

kiểu đa ngành hoặc kiểu liên ngành), theo định hướng ứng dụng và mục tiêu, chuẩn đầu ra; nội dung, phương pháp và hoạt động đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các hoạt động học thuật của đơn vị được giao nhiệm vụ triển khai đào tạo ngành học đó.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ đại học: cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn toàn diện, nắm vững nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội, có kỹ năng thực hành cơ bản, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành được đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ đại học ứng với Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Chương trình đào tạo trình độ đại học phải bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình giáo dục đại học.

5. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ đại học là từ 140 đến 155 tín chỉ đối với người học có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông; từ 95 đến 100 tín chỉ đối với chương trình liên thông từ trung cấp lên đại học; từ 60 đến 65 tín chỉ đối với chương trình liên thông từ cao đẳng lên đại học; từ 80 đến 90 tín chỉ đối với chương trình đào tạo văn bằng thứ hai.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ đại học được thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập lý thuyết kết hợp thực hành, tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực ứng dụng, giải quyết những vấn đề chuyên môn trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

7. Chương trình đào tạo trình độ đại học được cấu trúc từ khối kiến thức giáo dục đại cương (hay giáo dục tổng quát) và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nhà trường có quy định riêng về cấu trúc chi tiết của chương trình đào tạo trình độ đại học.

8. Khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng nền tảng, tổng quát để thích ứng với sự phát triển không ngừng của xã hội và chuẩn bị cho giai đoạn giáo dục chuyên nghiệp.

9. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp cung cấp cho sinh viên các kiến thức, kỹ năng, thái độ thích hợp với lĩnh vực chuyên môn của chương trình đào tạo.

10. Nhà trường có quy định riêng về khung chương trình và mô tả chương trình đào tạo trình độ đại học.

11. Chương trình đào tạo liên thông trình độ đại học được xây dựng theo nguyên tắc kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kỹ năng mà người học đã tích lũy ở các chương trình đào tạo khác.

12. Chương trình đào tạo theo hình thức vừa làm vừa học trình độ đại học như chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo chính quy.

#### **Điều 4. Yêu cầu đối với chương trình đào tạo trình độ cao đẳng**

1. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng gắn với một ngành, chuyên ngành đào tạo hoặc với một vài ngành, theo định hướng thực hành và thể hiện mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp, hình thức đào tạo và cách thức đánh giá.

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng: nhằm cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn cơ bản, kỹ năng thực hành thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lý, quy luật tự nhiên - xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành được đào tạo.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng bao gồm kiến thức thực tế và kiến thức lý thuyết; kỹ năng nhận thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và kỹ năng giao tiếp, ứng xử; mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân trong việc áp dụng kiến thức, kỹ năng để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn của người tốt nghiệp trình độ cao đẳng ứng với Bậc 5 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

4. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng phải bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác; bảo đảm quy định về chuẩn chương trình giáo dục nghề nghiệp.

5. Khối lượng học tập của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng từ 90 đến 105 tín chỉ.

6. Phương pháp đào tạo ở trình độ cao đẳng được thực hiện bằng cách phối hợp các hình thức học tập lý thuyết kết hợp thực hành, tự học, tự nghiên cứu, coi trọng việc phát triển năng lực thực hành, giải quyết những vấn đề chuyên môn trong điều kiện làm việc thay đổi.

7. Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng được cấu trúc từ khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Nhà trường có quy định riêng về cấu trúc chi tiết của chương trình đào tạo trình độ cao đẳng và khối kiến thức giáo dục đại cương của trình độ này.

8. Nhà trường có quy định riêng về khung chương trình và mô tả chương trình đào tạo trình độ cao đẳng.

## **Chương 2**

### **TỔ CHỨC XÂY DỰNG, THẨM ĐỊNH, ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

#### **Điều 5. Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo**

Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo được triển khai theo trình tự như sau:

1. Khoa/viện phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học lập kế hoạch xây dựng và thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

2. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo thực hiện theo trình tự các bước cụ thể sau:

a) Bước 1: Tổ chức khảo sát, xác định nhu cầu nhân lực theo trình độ và ngành, chuyên ngành đào tạo; khảo sát nhu cầu của người sử dụng lao động đối với người tốt nghiệp kết hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

b) Bước 2: Xây dựng mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo dựa trên kết quả bước 1 và gắn với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục và mục tiêu giáo dục của Nhà trường.

c) Bước 3: Xác định cấu trúc, khối lượng kiến thức cần thiết của chương trình đào tạo, xây dựng nội dung chương trình đào tạo đảm bảo mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra và

và đáp ứng các quy định của Trường.

d) Bước 4: Đối chiếu, so sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành, chuyên ngành của các cơ sở đào tạo khác ở trong nước và nước ngoài; với chương trình đào tạo cùng ngành, chuyên ngành nhưng ở trình độ khác của Trường để hoàn thiện chương trình đào tạo.

đ) Bước 5: Tổ chức xây dựng, cập nhật và thẩm định các đề cương học phần của chương trình đào tạo.

e) Bước 6: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của Hội đồng khoa/viện, giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo.

g) Bước 7: Hoàn thiện dự thảo chương trình đào tạo trên cơ sở tiếp thu ý kiến phản hồi của các bên liên quan và trình Hội đồng thẩm định thẩm định chương trình đào tạo.

3. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định chương trình đào tạo.

4. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức nghiệm thu chương trình đào tạo.

5. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo hoàn chỉnh chương trình đào tạo và đề nghị bằng văn bản tới Hiệu trưởng về việc đầu tư các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo.

#### **Điều 6. Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo**

1. Hội đồng thẩm định căn cứ vào dự thảo chương trình đào tạo và các quy định hiện hành để thẩm định và kết luận về chương trình đào tạo. Chương trình đào tạo được coi là đạt yêu cầu khi có tối thiểu 3/4 thành viên có mặt bỏ phiếu thông qua. Hội đồng thẩm định phải kết luận rõ theo một trong các phương án sau:

a) Thông qua chương trình đào tạo, không cần chỉnh sửa, bổ sung.

b) Thông qua chương trình đào tạo nhưng yêu cầu phải chỉnh sửa, bổ sung và nêu nội dung cụ thể cần phải chỉnh sửa, bổ sung.

c) Không thông qua chương trình đào tạo và nêu lý do không thông qua.

2. Trường hợp thẩm định chương trình để phục vụ mở ngành, Hội đồng thẩm định đồng thời căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế của Trường đã được xác nhận để đánh giá và kết luận Trường có đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo theo quy định hiện hành hay không. Đối với những ngành có yêu cầu về máy móc, thiết bị thí nghiệm, thực hành, Hội đồng thẩm định kiểm tra điều kiện thực tế trước khi kết luận.

3. Cuộc họp của Hội đồng thẩm định phải được ghi thành biên bản, trong đó có kết quả biểu quyết về kết luận của Hội đồng thẩm định, có chữ ký của các thành viên hội đồng và đóng dấu của Trường.

4. Hội đồng thẩm định tổ chức thẩm định theo hướng dẫn của Trường.

#### **Điều 7. Tổ chức đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo**

1. Khoa/viện phối hợp với Phòng Đào tạo Đại học lập kế hoạch đánh giá, cập nhật chương trình đào tạo và thành lập Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo.

2. Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo triển khai thực hiện theo trình tự các bước như sau:

a) Bước 1: Thu thập thông tin, minh chứng liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật chương trình đào tạo (những thay đổi trong quy định của nhà nước, của Nhà trường về chương trình đào tạo; những tiến bộ mới trong lĩnh vực khoa học thuộc ngành, chuyên ngành; các vấn đề kinh tế xã hội, kết quả nghiên cứu liên quan đến chương trình đào tạo; phản hồi của các bên liên quan; những thay đổi học phần hoặc nội dung chuyên môn...).

b) Bước 2: Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của chương trình đào tạo đang thực hiện (đáp ứng so với mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra đã xác định; sự thống nhất và gắn kết giữa nội dung chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, nguồn tài liệu phục vụ học tập và giảng dạy...); so sánh giữa kết quả nghiên cứu về yêu cầu phát triển chương trình đào tạo và mức độ đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo đang thực hiện.

c) Bước 3: Dự thảo những nội dung cần sửa đổi, cập nhật chương trình đào tạo.

d) Bước 4: Tổ chức hội thảo lấy ý kiến của hội đồng khoa/viện, giảng viên, cán bộ quản lý trong và ngoài trường, các nhà khoa học, đại diện đơn vị sử dụng lao động liên quan và người đã tốt nghiệp (nếu có) về chương trình đào tạo.

3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức nghiệm thu chương trình đào tạo. Nếu cần thiết, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường đề nghị Hiệu trưởng tổ chức thẩm định chương trình đào tạo sửa đổi, cập nhật theo quy định tại Điều 6 của Quy định này.

### **Điều 8. Phát triển chương trình giáo dục đại cương**

1. Nhà trường giao Hội đồng phát triển giáo dục đại cương phối hợp với các khoa, viện xây dựng và định kỳ cập nhật chương trình giáo dục đại cương.

2. Tháng 6 hàng năm, khoa/viện, bộ môn đề xuất đến Hội đồng Phát triển chương trình giáo dục đại cương việc bổ sung học phần tự chọn, điều chỉnh hoặc cập nhật học phần đã có. Sau một quá trình đào tạo (1 chu kỳ) nếu học phần không đáp ứng yêu cầu hoặc không có nhiều sinh viên lựa chọn, sẽ xem xét để tổ chức hoàn thiện hoặc đưa ra khỏi chương trình.

### **Điều 9. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo**

1. Đối với Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ đại học

a) Cơ cấu Hội đồng:

- Có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

- Bao gồm đại diện khoa, viện quản lý ngành; đại diện bộ môn tham gia đào tạo; giảng viên cùng ngành, chuyên ngành đào tạo; nhà khoa học, chuyên gia ngoài trường; và đại diện một số doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành, chuyên ngành.

b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Đối với giảng viên, nhà khoa học (cơ hữu hoặc thỉnh giảng): được đào tạo hoặc có kinh nghiệm chuyên môn đúng ngành, chuyên ngành đào tạo, có trình độ tiến sĩ và có năng lực phát triển chương trình đào tạo;

- Đối với chuyên gia, đại diện doanh nghiệp: có nhiều kinh nghiệm thực tiễn và uy tín chuyên môn trong ngành, chuyên ngành đào tạo, có năng lực phát triển chương trình đào tạo;

- Chủ tịch Hội đồng: có trình độ tiến sĩ trở lên.

2. Đối với Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

a) Cơ cấu Hội đồng:

- Có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;
- Bao gồm đại diện khoa, viện quản lý ngành; đại diện bộ môn tham gia đào tạo; giảng viên cùng ngành, chuyên ngành đào tạo; nhà khoa học, chuyên gia ngoài trường; và đại diện một số doanh nghiệp, cơ quan sử dụng lao động thuộc ngành, chuyên ngành.

b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Thành viên hội đồng có bằng tốt nghiệp đại học trở lên, am hiểu và có kinh nghiệm về phát triển chương trình đào tạo; có kinh nghiệm trực tiếp giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực ngành đào tạo cần xây dựng;

- Chủ tịch Hội đồng: có trình độ thạc sĩ trở lên.

3. Trách nhiệm của Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo

a) Tổ chức xây dựng chương trình đào tạo theo quy định;

b) Hướng dẫn giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học xây dựng, cập nhật đề cương học phần và tổ chức thẩm định đề cương học phần theo quy định.

4. Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Trường khoa/viện quản lý ngành và Trường phòng Đào tạo Đại học.

#### **Điều 10. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo**

1. Đối với Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học

a) Cơ cấu Hội đồng:

- Số thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

- Hội đồng thẩm định có hai ủy viên phản biện trong đó có ít nhất 1 phản biện thuộc cơ sở đào tạo khác; có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo; các thành viên còn lại của hội đồng thẩm định phải đến từ ít nhất hai cơ sở đào tạo khác, có kinh nghiệm đào tạo cùng ngành và cùng trình độ với chương trình đào tạo được thẩm định;

- Các thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo không tham gia Hội đồng thẩm định;

- Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia Hội đồng thẩm định.

b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Các thành viên là giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đúng ngành, chuyên ngành đào tạo với chương trình đào tạo cần thẩm định;

- Đối với thành viên là đại diện cho đơn vị sử dụng lao động cho phép có trình độ đại học cùng ngành tạo và có tối thiểu 5 năm kinh nghiệm thực tiễn thuộc lĩnh vực của chương trình đào tạo nhưng chỉ tham gia làm ủy viên Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo;

- Trường hợp chương trình cần thẩm định thuộc ngành, chuyên ngành mới, chưa có cơ sở nào ở Việt Nam đào tạo thì Hội đồng thẩm định gồm những người đủ tiêu chuẩn theo quy định này thuộc ngành gần, đã nghiên cứu và công bố ít nhất một công trình khoa học liên quan đến chương trình cần thẩm định.

## 2. Đối với Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

### a) Cơ cấu Hội đồng:

- Số thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên;

- Hội đồng thẩm định có hai ủy viên phản biện thuộc một cơ sở đào tạo khác và đại diện cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp; có ít nhất một người đại diện cho các đơn vị sử dụng lao động sau đào tạo. Có ít nhất một phần ba thành viên là giảng viên đang giảng dạy ở cấp trình độ và ngành đào tạo tương ứng;

- Các thành viên Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo không tham gia Hội đồng thẩm định;

- Khuyến khích mời giảng viên có uy tín của các trường đại học nước ngoài tham gia Hội đồng thẩm định.

### b) Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng:

- Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên;

- Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm giảng dạy hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý trong lĩnh vực ngành đào tạo cần thẩm định;

- Trường hợp cần thiết, thành viên hội đồng có thể là giảng viên có uy tín của các cơ sở đào tạo nước ngoài.

## 3. Trách nhiệm của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo

a) Tổ chức thẩm định chương trình đào tạo theo quy định;

b) Trường hợp thẩm định chương trình để phục vụ mở ngành, Hội đồng còn thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng thực tế của chương trình đào tạo theo quy định.

4. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Trường khoa/viện quản lý ngành và Trường phòng Đào tạo Đại học. Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định phải nêu rõ chức danh, trình độ đào tạo, đơn vị công tác của từng thành viên hội đồng.

## **Điều 11. Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo**

1. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo: tương tự như Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

2. Trách nhiệm của Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo

a) Tổ chức đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo theo quy định;

b) Hướng dẫn giảng viên, chuyên gia, nhà khoa học xây dựng, cập nhật đề cương học phần và tổ chức thẩm định đề cương học phần theo quy định.

3. Hội đồng cập nhật chương trình đào tạo do Hiệu trưởng thành lập theo đề nghị của Trường khoa/viện quản lý ngành và Trường phòng Đào tạo Đại học.

## **Điều 12. Hội đồng phát triển chương trình giáo dục đại cương**

1. Cơ cấu hội đồng:

- Số thành viên Hội đồng thẩm định phải là số lẻ, có ít nhất 05 thành viên gồm Chủ tịch, Thư ký và các ủy viên.

- Thành phần thành viên gồm: đại diện lãnh đạo các phòng chức năng tham mưu, khoa Khoa học xã hội và Nhân văn; trưởng các bộ môn quản lý học phần giáo dục đại cương; các giảng viên có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và quản lý, chuyên gia giáo dục.



## 2. Chức năng và nhiệm vụ:

### a) Chức năng

- Tham mưu cho Nhà trường định hướng phát triển chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương trong các chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

- Tổ chức cập nhật, phát triển chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương đáp ứng yêu cầu đào tạo trình độ đại học, cao đẳng.

### b) Nhiệm vụ

- Tổ chức nghiên cứu định hướng phát triển và nội dung chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương của các trường đại học trong và ngoài nước để đề xuất vận dụng tại Trường. Tư vấn hoạt động nghiên cứu khoa học của khối giáo dục đại cương.

- Đề xuất khung chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương và danh mục các học phần phù hợp với yêu cầu đào tạo của các nhóm ngành tại Trường.

- Đề xuất hệ thống cơ sở vật chất, tài liệu nhằm phục vụ cho hoạt động dạy và học chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Tổ chức xây dựng và nghiệm thu chương trình các học phần thuộc chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương.

- Phối hợp với các đơn vị chức năng để tổ chức các hoạt động truyền thông nhằm nâng cao nhận thức chung về vai trò của giáo dục đại cương, các hoạt động bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, năng lực chuyên môn cho các giảng viên tham gia dạy chương trình khối kiến thức giáo dục đại cương, các hoạt động nhằm nâng cao kiến thức đại cương và kỹ năng mềm cho người học.

- Hợp phiên toàn thể ít nhất 1 lần/1 học kỳ, các phiên họp khác tùy theo điều kiện cụ thể.

## Chương 3

### QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

#### Điều 13. Mở chương trình đào tạo

1. Điều kiện mở chương trình đào tạo: tương tự điều kiện mở ngành đào tạo.

2. Quy trình thực hiện:

a) Nếu mở chương trình đào tạo để phục vụ mở ngành đào tạo, thực hiện theo quy định về mở ngành đào tạo của Trường.

b) Nếu mở chương trình đào tạo dựa trên (các) ngành đào tạo đã có hoặc trong khuôn khổ liên kết đào tạo với cơ sở đào tạo khác:

- Bước 1: Trường khoa/viện làm Tờ trình nêu rõ sự cần thiết và khẳng định đảm bảo điều kiện mở chương trình đào tạo gửi Hiệu trưởng (thông qua Phòng Đào tạo Đại học).

- Bước 2: Hiệu trưởng gửi xin ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo để quyết định chủ trương mở chương trình đào tạo.

- Bước 3: Khi được Hiệu trưởng đồng ý chủ trương mở chương trình đào tạo, khoa/viện tổ chức xây dựng chương trình đào tạo theo quy định tại Điều 5 của Quy định này.

### 3. Ban hành chương trình đào tạo

a) Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Trường Phòng Đào tạo Đại học và Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường.

b) Phòng Đào tạo Đại học có trách nhiệm tổ chức công bố chương trình đào tạo; đưa bản chương trình đào tạo lên trang thông tin điện tử của Trường.

### **Điều 14. Quản lý chương trình đào tạo**

1. Mỗi chương trình đào tạo, trừ các chương trình đào tạo quy định tại Khoản 3 Điều này, do khoa/viện quản lý ngành tương ứng quản lý và được gán một mã số do Trường quy định.

2. Trường hợp chương trình đào tạo theo kiểu song ngành, đa ngành hoặc liên ngành, chương trình đào tạo có yếu tố nước ngoài và chương trình đặc thù, Trường sẽ giao cho một khoa/viện có đảm nhận chuyên môn nhiều nhất quản lý. Trong trường hợp này, Trường sẽ thành lập một Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo có nhiệm vụ cập nhật, phát triển chương trình và tư vấn chuyên môn cho đơn vị quản lý. Cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên Ban chủ nhiệm chương trình đào tạo tương tự như Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo.

3. Chương trình đào tạo được lưu trữ tại khoa/viện quản lý chương trình đào tạo và Phòng Đào tạo Đại học.

4. Trường khoa/viện quản lý chương trình đào tạo có quyền hạn và trách nhiệm như sau:

a) Lưu trữ chương trình đào tạo và đề cương các học phần có trong chương trình đào tạo;

b) Đưa mô tả chương trình đào tạo lên trang thông tin điện tử của khoa/viện;

c) Tổ chức đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo ít nhất hai năm một lần;

d) Phân công bộ môn dưới quyền quản lý học phần và quyết định phân công giảng viên phụ trách học phần;

đ) Các quyền và trách nhiệm khác theo các quy định hiện hành của Trường.

### **Điều 15. Quản lý học phần**

1. Mỗi học phần do một bộ môn duy nhất có chuyên môn phù hợp quản lý và được gán một mã số do Trường quy định.

2. Đề cương học phần được lưu trữ tại bộ môn quản lý học phần, khoa/viện quản lý chương trình đào tạo, Phòng Đào tạo Đại học.

#### 3. Phân công bộ môn quản lý học phần

a) Đối với học phần giáo dục đại cương: Hội đồng phát triển giáo dục đại cương làm việc với khoa/viện liên quan để thống nhất phân công bộ môn phù hợp quản lý học phần. Trường hợp học phần không có bộ môn phù hợp quản lý, Phòng Đào tạo Đại học sẽ trực tiếp quản lý.

b) Đối với học phần cơ sở, chuyên ngành: Hội đồng xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo trao đổi với khoa/viện và bộ môn liên quan để thống nhất phân công bộ môn phù hợp quản lý học phần và gửi đề nghị đến Hiệu trưởng (qua Phòng Đào tạo Đại học) để phê duyệt.

c) Phòng Đào tạo Đại học rà soát các đề nghị, phản hồi hội đồng xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo, khoa/viện liên quan nếu cần thiết và trình Hiệu trưởng ban hành quyết định phân công quản lý học phần.

4. Việc rà soát, điều chỉnh phân công bộ môn quản lý học phần được thực hiện khi có yêu cầu và định kỳ vào tháng 6 hàng năm.

5. Bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm quản lý học phần theo quy định phân cấp quản lý đào tạo, quy định đào tạo trình độ đại học, cao đẳng và các quy định khác có liên quan.

#### **Điều 16. Phụ trách học phần**

1. Mỗi học phần do một hoặc một nhóm giảng viên phụ trách, đáp ứng tiêu chuẩn quy định của Trường. Trong đó có một giảng viên được phân công phụ trách chính (chủ nhiệm/điều phối) học phần.

2. Phân công phụ trách học phần:

a) Bộ môn quản lý học phần làm việc với bộ môn và giảng viên liên quan trong và ngoài khoa/viện, bộ môn để thống nhất đề nghị với khoa/viện phân công giảng viên phụ trách học phần, trong đó giới thiệu giảng viên phụ trách chính học phần. Trưởng khoa/viện quản lý bộ môn rà soát và ra quyết định phân công giảng viên phụ trách học phần, chuyển quyết định cho Phòng Đào tạo Đại học để tổng hợp.

b) Trường hợp học phần do Phòng Đào tạo Đại học quản lý, Phòng Đào tạo Đại học sẽ thành lập một nhóm giảng viên có chuyên môn phù hợp để tư vấn cho Phòng về chuyên môn của học phần này.

c) Việc rà soát, điều chỉnh phân công giảng viên phụ trách học phần được thực hiện khi có yêu cầu và định kỳ vào tháng 6 hàng năm.

3. Nhóm giảng viên phụ trách học phần dưới sự điều phối của giảng viên phụ trách chính học phần có quyền hạn và trách nhiệm như sau:

a) Đề nghị đưa vào chương trình đào tạo học phần mới hoặc đề nghị thay thế học phần đã có bằng học phần mới tới Hội đồng xây dựng/cập nhật chương trình đào tạo.

b) Xây dựng đề cương học phần mới; đánh giá và cập nhật đề cương học phần hiện có khi có yêu cầu và định kỳ hàng năm (nộp sản phẩm cho Phòng Đào tạo Đại học trước ngày 30/8 hàng năm).

c) Khi được phân công giảng dạy, (nhóm) giảng viên xây dựng, cập nhật đề cương chi tiết học phần trình bộ môn quản lý phê duyệt và cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên ngay trong buổi lên lớp đầu tiên, đưa lên website cá nhân (nếu có), website bộ môn quản lý học phần hoặc hệ thống Elearning; và tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá người học theo đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt.

#### **Điều 17. Dừng chương trình đào tạo**

1. Điều kiện dừng chương trình đào tạo: chương trình đào tạo bị dừng thực hiện nếu rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Liên tiếp trong 03 năm không tuyển sinh được hoặc số lượng không đủ điều kiện mở lớp;

b) Chương trình đào tạo được kiểm định không đạt và không đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;

c) Ngành đào tạo bao hàm chương trình đào tạo bị cơ quan quản lý đình chỉ tuyển sinh hoặc thu hồi quyết định mở ngành.

2. Hiệu trưởng quyết định dừng chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Đại học.

### **Điều 18. Tiếp tục chương trình đào tạo**

1. Điều kiện tiếp tục chương trình đào tạo: chương trình đào tạo được tiếp tục thực hiện nếu rơi vào một trong các trường hợp sau đây:

a) Xã hội tiếp tục có nhu cầu về chương trình đào tạo (thông qua khảo sát) nếu lý do dừng chương trình là Mục a, Khoản 1, Điều 17 của Quy định này;

b) Các điều kiện đảm bảo chất lượng được tăng cường đáp ứng quy định nếu lý do dừng chương trình là Mục b, Khoản 1, Điều 17 của Quy định này;

c) Ngành đào tạo bao hàm chương trình đào tạo được cơ quan quản lý cho phép tuyển sinh trở lại nếu lý do dừng chương trình là Mục c, Khoản 1, Điều 17 của Quy định này.

2. Hiệu trưởng quyết định tiếp tục chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo Đại học.

## **Chương 4**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 19. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

#### **Điều 20. Tổ chức thực hiện**

Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này. /

**HIỆU TRƯỞNG**



*Trang Sĩ Trung*